

\*

Cao Bằng, ngày 11 tháng 6 năm 2025

**ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI RÈN LUYỆN**  
**LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 27**

**Hệ đào tạo: không tập trung**

**Thời gian học từ ngày 09/7/2024 đến 12/6/2025**

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
1	Bế Thị Cúc	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
2	Hà Việt Chung	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
3	Hoàng Thị Diễm	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
4	Nông Thị Diệp	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
5	Hoàng Thuý Diệu	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
6	Lý Ích Du	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
7	Hoàng Thùy Dung	4,00	3,50	1,00	8,50	Tốt
8	Mông Thùy Dung	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
9	Lục Thị Dung	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
10	Phùng Văn Dũng	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
11	Ma Kiên Duy	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
12	Hoàng Văn Duy	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
13	Ngôn Thị Duyên	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
14	Trương Văn Độ	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
15	Nông Thị Em	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
16	Trịnh Thị Hào	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
17	Nông Thị Bích Hằng	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
18	Lương Thị Hiền	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
19	Liêu Văn Hiệp	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
20	Đàm Thị Hiệp	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
21	Hoàng Thị Hiếu	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
22	Hoàng Thị Hòa	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
23	Lương Văn Hoàn	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
24	Bế Ích Hoàng	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
25	Triệu Văn Hội	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
26	Nông Thị Thu Hồng	4,00	3,50	1,00	8,50	Tốt
27	Nông Văn Hợp	4,00	3,50	1,00	8,50	Tốt
28	Đình Thị Thanh Kim Huệ	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
29	Vương Thị Huệ	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
30	Lê Thị Mỹ Huyền	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
31	Dương Thị Hương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
32	Linh Quang Khương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
33	Nông Thị Thu Lê	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt
34	Đình Thị Lụa	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
35	Lợi Luân Long	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
36	Nông Thị Mây	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
37	Đoàn Thị Minh	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
38	Bế Thị Nương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
39	Lưu Thu Nga	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
40	Nông Thị Ngoan	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
41	Trần Hồng Nguyên	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
42	Đình Thị Ánh Nguyệt	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
43	Hoàng Ánh Nguyệt	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
44	Tô Minh Nguyệt	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
45	Hoàng Bích Nhân	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
46	Nguyễn Thị Nhị	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
47	Phan Thị Như	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
48	Đình Thị Oanh	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
49	Đình Thị Ngọc Oanh	4,00	3,00	2,00	9,00	Tốt
50	Hà Hoài Phương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
51	Phùng Thị Phương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
52	Ngọc Thị Minh Quyên	4,00	3,50	1,00	8,50	Tốt
53	Nông Thanh Quyết	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
54	Đàm Thị Quỳnh	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
55	Đình Phan Tuấn	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
56	Phan Sỹ Tuấn	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
57	Bế Văn Tuyên	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
58	Đỗ Thị Tuyết	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
59	Dương Văn Tường	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
60	Nông Thị Thanh	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
61	Hoàng Văn Thịnh	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
62	Nguyễn Thị Thoa	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
63	Hà Thị Thuận	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
64	Phan Văn Thuận	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
65	Phan Thị Trang	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
66	Nông Thị Vinh	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
67	Lý Thị Yến	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt

**GHI ĐIỂM**



**Hà Huyền Nga**

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Đoàn Thị Vân Thúy**

**HIỆU TRƯỞNG**




**Trịnh Thị Ánh Hoa**